

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non
Hệ, bậc đào tạo: Cao đẳng/Chính quy

Thanh Hóa, 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **Giáo dục mầm non**; Trình độ: **Cao đẳng**

(Ban hành theo QĐ số 1417/QĐ-ĐHHD ngày 06 / 6 /2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân giáo dục mầm non trình độ cao đẳng được xây dựng lần đầu vào năm 1997 với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non cho các cơ sở giáo dục mầm non của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Từ năm 1997 đến nay, chương trình đào tạo đã được điều chỉnh 03 lần (2011, 2017 và 2019) nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục. Năm 2017, chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên học chế tín chỉ. Năm 2019, chương trình được điều chỉnh dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo của nhiều trường đại học lớn trong nước như: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hồ chí Minh, Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên...

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 91 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung 33 tín chỉ (trong đó có 02 tín chỉ tự chọn), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 46 tín chỉ (trong đó có 10 tín chỉ tự chọn), thực tập, kiến tập, thực tế, khóa luận/HP thay thế 12 tín chỉ (trong đó có 05 tín chỉ tự chọn). Tổng số học phần bắt buộc 37 (95 tín chỉ) và 22 học phần thay thế/tự chọn (26 tín chỉ), được phân bố trong 6 học kỳ (kỳ 1: gồm 9 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 2: gồm 6 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 3: gồm 8 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 4: gồm 8 học phần, 21 tín chỉ; kỳ 5: gồm 7 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 9 tín chỉ (bao gồm cả thực tập tốt nghiệp và luận văn tốt nghiệp). Tổng số giờ lý thuyết: 711, giờ bài tập, thảo luận và thực hành: 948; giờ kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm và luận văn tốt nghiệp/học phần thay thế 252.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa gồm 27 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 02 tiến sĩ và 22 thạc sĩ (trong đó có 05 NCS). Các cán bộ, giảng viên là những người có năng lực chuyên môn tốt, có tín nhiệm cao của sinh viên trong các đợt lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Chương trình có 01 đợt kiến tập sư phạm và 01 đợt thực tập sư phạm cuối khóa, 01 đợt thực tế sư phạm; nhiều học phần còn dành số tiết để sinh viên đến các trường mầm non trong tỉnh để thực hành kiến thức môn học. Chương trình đào tạo có tính mềm dẻo và linh hoạt vì có 21,48% số tín chỉ cho các môn học tự chọn. Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều có đầy đủ tài liệu học tập cho sinh viên. Chương trình được các bên liên quan đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục Mầm non
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Early Childhood Education
Mã ngành đào tạo:	5140201
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng

Số tín chỉ:	91
Hình thức đào tạo:	(Chính quy)
Thời gian đào tạo:	(3 năm)
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 91 tín chỉ - Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (đạt bậc 2/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam).
Vị trí việc làm:	- Là giáo viên mầm non tại các trường mầm non công lập. - Là giáo viên mầm non tại các trường mầm non ngoài công lập. - Làm giáo viên, nhân viên cho các tổ chức giáo dục quốc tế trong nước.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học đại học trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo xây dựng:	- Chương trình GDMN - Trường ĐH SP Hà Nội - Chương trình GDMN - Trường ĐH SP TP. HCM - Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên...
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	11/2019

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non (GDMN) trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu về nhân lực giáo dục của tỉnh Thanh Hóa và của cả nước. Chương trình đào tạo được thiết kế để cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc về giáo dục trẻ mầm non và các kiến thức cơ bản về triết học, tâm lý học, giáo dục học, mỹ thuật, âm nhạc và các kỹ năng chăm sóc trẻ mầm non để sinh viên có thể tiếp tục phát triển năng lực nghề nghiệp. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm khác để cho sinh viên có thể hoạt động hiệu quả sau khi tốt nghiệp và đáp ứng được yêu cầu đổi mới sự nghiệp giáo dục trong thời kỳ mới.

3.2. Mục tiêu cụ thể

M1: Hiểu được các kiến thức nền tảng về triết học, chính trị, pháp luật vận dụng được các kiến thức này vào quá trình dạy học và giáo dục mầm non.

M2: Hiểu biết sâu sắc các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ làm nền tảng cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu các môn chuyên ngành giáo dục mầm non.

M3: Hiểu biết về các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, mỹ thuật, âm nhạc và các kỹ năng chăm sóc trẻ mầm non để dạy học ở các cơ sở giáo dục mầm non.

M4: Có khả năng tự học, trải nghiệm, đổi mới và học tập và làm việc suốt đời.

M5: Có kỹ năng giao tiếp tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học và các kỹ năng mềm để có thể tự phát triển.

M6: Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung: (xác định những kiến thức chung nào cần phải đạt được và mức độ đạt được: trình bày/mô tả/phân tích/giải thích/đánh giá/khái quát,...)*

C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam; kiến thức quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

C2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của Tâm lý học, Giáo dục học và các kiến thức cơ bản của về quản lý nhà nước, quản lý nhà trường vào việc tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

C3: Hiểu được các kiến thức nền tảng về các lĩnh vực giáo dục mầm non như: giáo dục trí tuệ; giáo dục ngôn ngữ; giáo dục nghệ thuật; giáo dục dinh dưỡng và thể chất.

** Kiến thức chuyên môn (xác định những kiến thức chuyên môn nào cần phải đạt được và mức độ đạt được: trình bày/mô tả/phân tích/giải thích/đánh giá/khái quát,...)*

C4: vận dụng được các kiến thức các lĩnh vực giáo dục mầm non như: giáo dục trí tuệ; giáo dục ngôn ngữ; giáo dục nghệ thuật; giáo dục dinh dưỡng và thể chất vào thực hành và giảng dạy, tổ chức các hoạt động giáo dục ở các cơ sở giáo dục mầm non.

C5: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, bao gồm kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường lứa tuổi mầm non; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phòng bệnh, đảm bảo an toàn và xử lý ban đầu các bệnh và tai nạn cho trẻ mầm non

C6: Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu về lập kế hoạch và tổ chức kế hoạch giáo dục trẻ mầm non; kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non theo từng độ tuổi.

4.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

C7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn để phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

C8: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về lĩnh vực giáo dục mầm non.

C9: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

** Kỹ năng chuyên môn*

C10: Có kỹ năng quản lý lớp học có hiệu quả theo nhóm, lớp; quản lý hồ sơ, sổ sách; sắp xếp bảo quản đồ dùng đồ chơi; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

C11: Có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ; ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ; có kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

C12: Có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Có khả năng tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

4.3. Kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm

C14: Hiểu và thực hiện đúng các qui định về đạo đức nhà giáo, qui chế dân chủ ở đơn vị công tác và ở địa phương.

C15: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm.

C16: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường, hoàn cảnh làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non; các trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
M1	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
M2	2	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
M3	2	3	3	3	3	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3
M4	1	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
M5	2	2	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3
M6	3	4	4	3	3	3	3	3	3	4	4	3	3	3	3	3

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hỏi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

6. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp dạy - học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng cần trang bị cho mình những kinh nghiệm dạy học khác nhau. Quá trình này không chỉ bao gồm thiết kế và tự xem lại các bài giảng và giáo trình mà còn bao gồm: i) nắm rõ kiểu dáng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay một seminar nhỏ; lớp học giảng dạy hay lớp học thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn, ii) nắm rõ kiểu dạy học (dạy học thuyết trình, thảo luận, thực hành hay dạy học tích hợp), iii) hiểu rõ sinh viên của mình là ai (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học), iv) hiểu rõ về các chính sách và các hành động thể hiện sự liên chính trong học tập, v) làm chủ đầu ra của chương trình học, vi) phát triển những mối quan hệ làm việc hiệu quả giữa người dạy và các nhân viên hỗ trợ khác.

i. Thiết kế bài giảng và khóa trình

Một bài giảng hiệu quả cần bắt đầu từ việc hiểu rõ đối tượng sinh viên, quyết định xem người dạy muốn người học học được điều gì, quyết định cách mà người dạy sẽ đánh giá thành tích học tập của người học; và lên kế hoạch các hoạt động, bài tập và tư liệu nhằm hỗ trợ việc học cho người học.

ii. Giảng dạy các kiểu lớp học khác nhau

Mỗi lớp học đều khác nhau về kích cỡ và mục tiêu (thảo luận, giảng dạy, thực hành, hay kết hợp) và được chia ra dựa trên quy định. Người dạy cần xem xét về những tính cách riêng biệt của thành phần lớp học, từ đó thiết kế nên cấu trúc của khóa học, các bài tập và hoạt động để hỗ trợ tối đa việc học của người học. Việc chú ý tới những chi tiết này sẽ tạo ra một môi trường học tập mà ở đó người học có thể dễ dàng đạt được những mục đích của mình.

iii. Tạo lập các mối quan hệ giữa người dạy và trợ lý phòng thực hành

Sự phối hợp và hợp tác luôn là nền tảng cho sự thành công của một đội ngũ người dạy- trợ lý phòng thực hành. Đặt ra những mục tiêu phù hợp, phân chia công việc và thiết lập các phương thức giao tiếp hiệu quả từ đầu sẽ làm tăng khả năng thành công, tham gia bàn bạc các vấn đề liên quan đến khóa học như chấm điểm, giờ học thực hành, nội dung bài giảng và mối liên kết giữa các sinh viên.

6.1.2. Các phương pháp dạy - học

Việc kết nối người học với quá trình học mà ở đó họ là trung tâm giúp người học cải thiện khả năng tập trung, thúc đẩy họ luyện tập những kỹ năng tư duy bậc cao và đem lại nhiều tài nghiệm học tập có ý nghĩa. Khi kết hợp nhiều chiến lược học khác nhau vào trong một bài giảng, giảng viên cần xem xét kỹ các cách để đặt ra được những mục tiêu rõ ràng, thiết kế những chiến lược nhằm đánh giá một cách hiệu quả và cung cấp các cơ chế giúp người học đưa ra phản hồi để từ đó tiếp tục cải thiện chương trình.

i. Lớp học đảo ngược: Lớp học đảo ngược là một trong những cách tiếp cận cơ bản trong việc dạy học. Với cách tiếp cận này, thời gian trong lớp được "cơ cấu" lại để dành cho những câu hỏi, ứng dụng và đánh giá để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi người học

ii Học tập chủ động: Việc học tập chủ động yêu cầu người học thực sự tham gia vào lớp học, thay vì chỉ ngồi trật tự nghe giảng. Các chiến lược thường bao gồm: các phần hỏi và trả lời ngắn, những cuộc thảo luận được lồng ghép vào trong bài giảng, các bài tập không yêu cầu sự chuẩn bị trước, các hoạt động thực hành và các buổi học mang tính trải nghiệm.

iii. Thảo luận: Để một cuộc thảo luận thành công thì việc chuẩn bị trước giúp người dạy vạch ra một mục tiêu rõ ràng cho cuộc thảo luận và xác định được phương pháp đánh giá rõ ràng. Điều này giúp lớp học có thể giải quyết các vấn đề thông qua bối cảnh, từ đó gia tăng sự tò mò và sự chú tâm của người học đối với nội dung bài giảng.

iv. Cách làm việc với những lớp học lớn: Những lớp học lớn (thường 60 người trở lên), trong một lớp học lớn, mọi thứ cần được thiết kế để giúp người học chủ động giải quyết các vấn đề, tương tác với những người học khác và với người hướng dẫn, từ đó hiểu được nội dung bài học.

v. Dạy học với công nghệ: Các công nghệ trong lớp học, máy tính, wiles, các công cụ trên mạng (blogs, các diễn đàn trực tuyến, bách khoa toàn thư,...) và các nguồn học liệu cũng như các phương tiện dạy học khác (trình chiếu, màn hình chung, bài giảng từ xa, video dạy học) luôn được tích hợp vào chương trình giảng dạy. Những công cụ này có tiềm năng lớn trong việc hỗ trợ người học theo những cách sáng tạo khi được liên kết với những mục tiêu và nội dung bài giảng của người dạy.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Sự tự đánh giá quá trình giảng dạy: Việc thực hiện tự đánh giá là vô cùng quan trọng đối với mỗi người dạy. Việc liên tục dẫn giải, chú thích các bài tập, bài kiểm tra và kế hoạch của lớp học là một chiến lược tuy đơn giản nhưng phù hợp trong việc theo dõi sự giảng dạy. Điều này giúp người dạy theo dõi xem nên giữ hay loại bỏ điều gì khi lên lớp một lần nữa. Những bản tóm tắt vào cuối

mỗi kì học cũng giúp người dạy nhìn nhận lại những gì mình đã làm và là những thứ quan trọng cho sự phát triển của những lớp học mới và những phiên bản cải thiện của các lớp học trước đây.

- Thu thập phản hồi từ người học: Việc thu thập thông tin từ người học thông qua trải nghiệm của họ trong lớp học là một cách vô cùng giá trị để đánh giá việc giảng dạy của người dạy. Có rất nhiều cách để làm điều này: khảo sát trực tuyến và thực tế, emails góp ý, đối thoại mở hay đơn phản hồi mở. Phương thức nào là tốt nhất phụ thuộc vào mục tiêu đánh giá của người dạy và loại thông tin mà người dạy cần.

- Hợp tác với đồng nghiệp: Người dạy có thể tìm hiểu cách đánh giá của đồng nghiệp để có được cái nhìn đa chiều trong việc dạy và học và đánh giá người học.

6.2. Các phương thức đánh giá việc học

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, đồ án môn học, trắc nghiệm, thực hành.

6.2.1. Đánh giá quá trình

Kỹ năng đánh giá quá trình giúp người dạy quản lý việc học của người học trong quá trình học. Những phản hồi ghi nhận được được sử dụng để giúp người dạy phát hiện những khó khăn mà người học đang gặp phải, từ đó người dạy có thể điều chỉnh việc dạy, còn người học có thể điều chỉnh việc học của mình. Đây là những đánh giá bậc thấp thường diễn ra sớm và thường xuyên vào mỗi kì học, đánh giá quá trình bao gồm:

- Các bài viết ngắn: Phương pháp đánh giá thông dụng này yêu cầu người học nhớ ngay lập tức những gì mình vừa học để trả lời về những điều quan trọng nhất mà họ học được và những điều khó khăn nhất đã trải qua.

- Kiểm tra sự hiểu biết: Việc dừng lại sau mỗi vài phút để kiểm tra xem liệu người học có đang bắt kịp được với bài học không giúp nhận ra những lỗ hổng trong hiểu biết, mà còn giúp chia các bài giảng (sử dụng Clicker questions - câu hỏi chọn) hay các bài học trực tuyến (sử dụng embedded quiz questions - câu hỏi phức) thành các phần nhỏ để hiểu hơn.

- Câu hỏi cuối bài: Hoạt động kết thúc bài học, qua việc sử dụng một bộ các câu hỏi củng cố, có thể giúp người học xây dựng kỹ năng quản lý việc học của họ và thích nghi nếu cần thiết.

- Hoạt động trên lớp: Việc chia học sinh ra thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề, phân tích các ví dụ thực tiễn sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho việc học giữa người học và những cuộc thảo luận trong lớp. Người dạy và các trợ giảng quản lý công việc của học sinh, giúp đỡ những người còn gặp khó khăn và chỉ dẫn những người đang đi sai hướng.

- Câu hỏi vấn đáp ngắn: Dạng câu hỏi này giúp đánh giá sự tiến triển trong mỗi bài học, tạo ra những sự cạnh tranh lành mạnh bên trong lớp học, xem lại kiến thức trước các bài kiểm tra. Câu hỏi vấn đáp ngắn là công cụ tuyệt vời mà không ảnh hưởng nhiều đến điểm số của học sinh. Sử dụng

hình thức kiểm tra miệng để bắt đầu mỗi bài học cũng là một cách hay để đánh giá những gì mà học sinh đã biết, xóa bỏ những nhận thức sai và đưa ra những gì mà họ sẽ học được.

- Các "sản phẩm" (báo cáo, slides trình chiếu,...): Đây là những hoạt động trong khuôn khổ lớp học được thiết kế để người học, thường được chia làm các nhóm, phải đưa ra được một sản phẩm do chính họ tạo ra để chấm điểm. Trong số rất nhiều các phương thức có thể được sử dụng, phương thức hiệu quả nhất sẽ cân bằng được giữa trách nhiệm của mỗi cá nhân và trách nhiệm của cả tập thể, đồng thời yêu cầu người học phải thực sự suy nghĩ về những vấn đề thực tiễn phức tạp. Việc học nhóm như sử dụng các tiêu chí khác nhau cho việc thiết kế các bài lập nhóm mang tính ứng dụng.

6.2.2 .Đánh giá kết quả

Các phương thức đánh giá kết quả đánh giá việc học của người học qua các bài đánh giá mức độ cao. Việc này thường diễn ra vào khoảng giữa hoặc cuối mỗi khóa học, nhằm đánh giá kết quả mà người học đã đạt được.

- Bài kiểm tra: Bao gồm bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ và các bài kiểm tra kết thúc các đơn vị học phần. Một bài kiểm tra tốt sẽ bao gồm nhiều loại câu hỏi khác nhau để thực hiện được việc người học đang ở mức độ nào: nhớ, hiểu, vận dụng, hay vận dụng cao. Mục đích chính là cho người học cơ hội để thể hiện tối đa những kiến thức mà họ có.

- Dự án và bài thuyết trình: Hoạt động này giúp người học đi sâu hơn vào những tư liệu sẵn có để đưa những kiến thức mà họ thu nhận được và sử dụng để tạo ra một điều gì mới. Mức độ áp dụng này rất quan trọng và thường bao quát cả một phần của quá trình học. Những dự án này cũng cho người học những cơ hội rõ rệt để thể hiện những kỹ năng cá nhân và những kỹ năng mềm.

- Tiểu luận: Đa phần các dự án này yêu cầu cá nhân sinh viên phải hoàn thành một nghiên cứu về các lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non như: giáo dục trí tuệ, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục dinh dưỡng và thể chất hay giáo dục mỹ thuật, âm nhạc...

- Thực tập: Người học đăng kí thực tập ở các trường mầm non. Người học được yêu cầu phải thực hành giảng dạy tối thiểu 8 tiết dạy tại trường mầm non, làm công tác của giáo viên chủ nhiệm và tham gia vào các hoạt động khác ở trường mầm non như một người giáo viên thực thụ dưới sự giám sát chính của các giáo viên có kinh nghiệm ở trường mầm non và sự đồng giám sát của các phòng, ban, khoa Giáo dục mầm non trong Trường đại học Hồng Đức. Vai trò của các phòng, ban, khoa Giáo dục mầm non ở đây là giúp người học tạo ra sự kết nối giữa việc học chuyên sâu và việc học những kiến thức thực tế cơ bản, đồng thời đảm bảo việc tổ chức, việc đánh giá đã những mục tiêu học tập của Khoa.

- Khối kiến thức đại cương, gồm 17 học phần (15 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn). Khối kiến thức chung giúp cho người học tích lũy được các kiến thức về triết học, pháp luật, kiến thức về tiếng Anh và kiến thức về tin học đại cương cũng như một số kiến thức nền tảng về văn hóa, ngôn ngữ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, gồm 20 học phần (trong đó có 14 học phần bắt buộc, 06 học phần tự chọn). Khối kiến thức này giúp người học có kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực giáo dục mầm non. Những kiến thức này giúp cho người học có thể giảng dạy tốt chương trình giáo dục mầm non ở trường mầm non và các cơ sở giáo dục mầm non đồng thời có thể thực hiện các nghiên cứu về giáo dục mầm non.

- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 07 học phần (trong đó có 02 học phần bắt buộc và 05 học phần tự chọn), khối kiến thức này nhằm giúp cho người học có kiến thức về phương pháp dạy học mầm non cũng như trải nghiệm thực tiễn giáo dục ở trường mầm non. Những kiến thức này giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức quá trình dạy học ở trường mầm non.

- Khóa luận và các học phần thay thế khóa luận bao gồm ... học phần. Các học phần này giúp người học có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực giáo dục mầm non và hình thành cho người học năng lực và khả năng giáo dục trẻ mầm non.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung, tín chỉ	Bắt buộc	31
		Tự chọn	02
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, tín chỉ	Bắt buộc	36
		Tự chọn	10
3	Kiến thức rèn nghề, thực tập tín chỉ	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế, tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	05
Tổng số: 91 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
1	196055	Triết học Mác – Lênin, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nắm được lý luận triết học Mác – Lênin, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học; sinh viên có khả năng vận dụng được lý luận để nhận thức và cải tạo thế giới; sinh viên có được các phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị vững vàng.	Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2019. 2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2013. Tài liệu tham khảo: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2007. 2- Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 2003. 3- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.

2	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, 2 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.	Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2019. 2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2006. Tài liệu tham khảo: 1- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức cơ bản, cốt lõi lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề văn hóa, xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng tư duy, đánh giá và giải quyết đúng đắn những vấn đề chính trị- xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB CTQG, 2019. 2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB CTQG, 2003. Tài liệu tham khảo: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2013. 2- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.
4	198030	Lịch sử Đảng CSVN, 2 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam	Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, NXB CTQG, 2019.

			trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018). - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Tài liệu tham khảo: 1- Đảng Cộng Sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i>, NXB CTQG, 2001. 2- Bộ GD&ĐT, <i>Chương trình môn Lịch sử ĐCSVN</i>, 2019. 3- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn Mác-Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Lịch sử ĐCSVN</i>, NXB CTQG, 2018.
5	197035	Tư tưởng HCM, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học TT Hồ Chí Minh. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TT Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng cộng sản và Nhà nước Việt nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; đạo đức văn hóa, con người. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh; có năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; lý giải, đánh giá đúng đắn được các hiện tượng xã hội, hiểu rõ cơ sở lý luận, tính khách quan quan, khoa học của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; có khả năng rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.	Tài liệu bắt buộc: 1-Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2009. 2-Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2005. Tài liệu tham khảo: 1- Hội đồng Trung ương biên soạn, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2003. 2- “<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>” tài liệu phục vụ dạy và học, NXB ĐHKQT, 2008. 3- <i>Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB LLCT, 2008.
6	197030	Pháp luật đại cương, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên vận	Tài liệu bắt buộc: 1-Lê Minh Toàn, <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, NXB CTQG, 2009. Tài liệu tham khảo: 1- Lê Văn Minh, <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động, 2016. 2- Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn,

			dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.	<i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB CAND, 2012. 3- Nguyễn Minh Động, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB Tư pháp, 2012.
7	Chọn 1 trong 2 học phần sau			
a	245091	Văn học dân gian, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Cung cấp cho người học những vấn đề khái quát chung nhất về văn học dân gian: đặc trưng, tiến trình phát triển, cách phân loại, thi pháp và những thể loại cơ bản, từ thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ, câu đố, vè, chèo sân đình. - <i>Năng lực đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Từ những kiến thức, kỹ năng được học, học phần giúp người học nhận thức được vai trò của văn học dân gian đối với giáo dục trẻ mầm non, cách thức tiếp cận một số tác phẩm văn học dân gian được tuyển chọn theo thể loại có thể sử dụng trong việc giảng dạy ở các cơ sở đào tạo Mầm non.	Tài liệu bắt buộc 1. Hoàng Tiến Tựu (1999), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội. 2. TS. Phạm Thu Yến (chủ biên) (2006). <i>Giáo trình Văn học dân gian</i>, NXB ĐHSP Tài liệu tham khảo 1. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (1997), <i>Văn học dân gian Việt nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội
b	145100	Đại cương về văn học VN, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương và có hệ thống về văn học Việt nam, từ Văn học dân gian đến Văn học viết. Phần 1, Văn học dân gian bao gồm: Khái quát chung về văn học dân gian Việt Nam; Các thể loại văn học dân gian. Phần 2, Văn học viết, bao gồm: Các giai đoạn lịch sử, sự phân kỳ văn học và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; Những nội dung tương cơ bản của văn học viết Việt Nam. - <i>Năng lực đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Từ những kiến thức, kỹ năng được học hình thành và rèn luyện cho sinh viên năng lực phân tích – tổng hợp về các giai đoạn văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Phạm Hùng. <i>Văn học Việt Nam</i>. NXB ĐHQG HN, 2001 1. Hoàng Tiến Tựu (1999), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Văn Long. <i>Đại cương văn học</i>. NXB ĐHQG HN, 2001. 2. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (1997),

			biểu; năng lực tiếp nhận và cảm thụ tác phẩm văn học; năng lực phân tích, đánh giá tác phẩm văn học; từ đó, vận dụng vào việc dạy trẻ mầm non đọc, kể tác phẩm văn học.	<i>Văn học dân gian Việt nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội
8	145098	Tiếng việt, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Cung cấp những tri thức cơ bản về tiếng Việt. Bao gồm các nội dung: Ngữ âm tiếng Việt; Từ tiếng Việt; Ngữ pháp tiếng Việt; Phong cách tiếng Việt - <i>Năng lực đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Nhờ các kiến thức này, người học có thể nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và tạo lập văn bản. Đồng thời người học có thể sử dụng các tri thức và kỹ năng của môn học này để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nâng cao hiệu quả học tập các môn học chuyên ngành khác, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác và năng lực chuyên môn sau khi ra trường.	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Xuân Khoa (1996), <i>Tiếng Việt</i> (tập 1,2), Nxb ĐHSP Hà Nội. 2. Nguyễn Hữu Quỳnh (1996), <i>Tiếng Việt hiện đại</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội Tài liệu tham khảo 1. Đoàn Thiện Thuật (2004), <i>Ngữ âm tiếng Việt</i>, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội. 2. Lã Thi Bắc Lý - Chủ biên (2014), <i>Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb ĐH SP, Hà Nội.
9	133031	Tiếng Anh 1, 4 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. - <i>Năng lực đạt được</i>: Đạt năng lực Bậc 2.2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.	Tài liệu bắt buộc: 1- Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, <i>New English File. Elementary</i>, Oxford. 2- Nguyễn Thị Quyết, <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ A, quyển 1</i>, NXB Thanh Hóa, 2016. Tài liệu tham khảo: 1- Raymond Murphy, <i>Essential Grammar In Use</i>, NXB Thời đại 2- Cambridge Key (KET), <i>English Test</i>, Cambridge 2004 3- Longman, KET, <i>Practice Test</i>, Cambridge 2004.
10	133032	Tiếng Anh 2, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ. - <i>Năng lực đạt được</i>: Đạt năng lực	Tài liệu bắt buộc: 1- Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul

			Bậc 3.1 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.	Seligson, <i>New English File. Pre-intermediate</i>, Oxford. 2- Nguyễn Thị Quyết, <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B, quyển 2</i>, NXB Thanh Hóa, 2016. Tài liệu tham khảo: 1- Raymond Murphy, <i>Essential Grammar In Use</i>, NXB Thời đại. 2- Cambridge PET, Cambridge 2004.
11	173080	Tin học, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.	Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB TT&TT, 2015. 2- Hàn Viết Thuận, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, ĐH KTQD, 2012. Tài liệu tham khảo: 1- Dương Minh Quý, <i>Microsoft Office 2007</i>, NXB Hồng Đức, 2013. 2- Microsoft, <i>Step by Step Microsoft Office 2007</i>, Microsoft, 2012.
12	181145	Tâm lý học đại cương, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp cho người học: Những vấn đề khái quát chung về khoa học tâm lý; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách, sự hình thành phát triển nhân cách. - <i>Năng lực đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Sau khi học xong học phần: Người học hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý; vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người trong quá trình dạy học và giáo dục; trong giao tiếp	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại học sư phạm, 2018. 2. Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại học sư phạm 2017. Tài liệu tham khảo 3. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), <i>Tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại

			ứng xử; trong mối quan hệ giữa con người – con người, giữa giáo viên và học sinh; có phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân, cho người học phù hợp với mục tiêu giáo dục, với thực tiễn cuộc sống.	học Quốc gia Hà Nội, 2000. 4. Trần Trọng Thủy. <i>Bài tập thực hành tâm lý học</i>. NXB ĐHQG. Hà Nội. 2002. 5. Phan Trọng Ngọ (chủ biên), <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại học sư phạm, 2005.
13	182015	Giáo dục học đại cương, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương và có hệ thống về những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương như: Các khái niệm, phạm trù của giáo dục học, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục của nhà trường, vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, trên cơ sở đó giúp họ xem xét, vận dụng vào công tác giáo dục ở nhà trường Mầm non. - <i>Năng lực đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Từ những kiến thức, kỹ năng được học, hình thành cho SV kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục và kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm trong trong hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Mầm non.	Tài liệu bắt buộc 1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), <i>Giáo trình Giáo dục học</i>, Tập 1,2. NXB ĐHSP, 2006. 2. Phạm Việt Vượng. <i>Giáo dục học</i>, NXBĐHQGHN, 2008. Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê, <i>Giáo dục học đại cương I,II</i>. NXBGD, 1997 2. Thái Duy Tuyên, <i>Những vấn đề chung về GDH</i>, NXB GD 2004
14	198000	Quản lý HCNN & QLGD, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước như: Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước, Cơ cấu bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý Nhà nước về Giáo dục& Đào tạo; Luật	1. Phạm Việt Vượng. (Chủ biên), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo</i>, NXB Đại học sư phạm, năm 2006. 2. <i>Luật Cán bộ, công chức</i>. Số

			cán bộ, công chức; Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo và các giải pháp phát triển Giáo dục & Đào tạo giai đoạn 2011 - 2020; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay. - <i>Năng lực đạt được</i> sau khi kết thúc học phần: Từ những kiến thức hình thành ở sinh viên những kỹ năng như : Hình thành ở người học một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng phân tích đánh giá cơ cấu tổ chức nhà nước, Kỹ năng thực hiện và tổ chức theo các quy định quản lý nhà nước, kỹ năng thích ứng với những điều kiện, thay đổi thực tế giáo dục; kỹ năng làm việc trong các tổ chức giáo dục.	22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. 3. Luật Giáo dục 2005, 2010 Tài liệu tham khảo 1. <i>Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 BCHTW khóa VIII</i> - NXB chính trị quốc gia- Hà nội 1997. 2. <i>Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020</i>. Ban hành kèm theo quyết định 711/TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012.
15	144001	Toán cơ sở, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Trang bị, bổ sung cho người học một hệ thống các khái niệm, kiến thức toán học cơ sở ngành: Lý thuyết tập hợp và loogics; Số tự nhiên; Phép đếm và hệ thống ghi số và mở đầu về thống kê toán. - <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có cơ sở toán học vững chắc để hiểu và chỉ đạo hoặc triển khai ứng dụng hiệu quả toán cơ sở vào việc thực hiện chương trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.	Tài liệu bắt buộc 1. Trần Diên Hiền, Nguyễn Văn Ngọc, <i>Giáo trình Toán cao cấp 1</i>. NXB Đại học Sư phạm. 2010. 2. Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiên Tài, <i>Tập hợp và loogics</i>, Số học. NXB Giáo dục 2005. Tài liệu tham khảo 1. Đặng Hùng Thắng, <i>Thống kê và ứng dụng</i>. NXB Giáo dục 2009. 2. Trần Diên Hiền, <i>Các bài toán về Suy luận loogics</i>. NXB Giáo dục 2000.
16	191004	Giáo dục thể chất 1, 2 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát	Tài liệu bắt buộc: 1- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận</i>

			triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào...	và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học, NXB TDTT, 2000. 2- Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TDTT, 2009. 3- Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i>, NXB TDTT, 2006. Tài liệu tham khảo: 1- Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007. 2- Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TDTT, 2014. 3- PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TDTT, 2007.
17	191055	Giáo dục thể chất 2, 2 TC (chọn 1 trong 5 học phần sau)		
a		191031	- <i>Nội dung học phần</i>: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt). - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.	Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007. 2- Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB TDTT, 2006. 2. Ủy ban TDTT, <i>Luật bóng chuyền</i>, NXB TDTT, 2003. Tài liệu tham khảo: 1- Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i>, NXB TDTT, 2001. 2- Ủy ban TDTT, <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXB TDTT, 1998.
		191032	- <i>Nội dung học phần</i>: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic	Tài liệu bắt buộc: 1- Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TDTT,

			Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.	2014. 2- Liên đoàn Thể dục quốc tế, <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i>, 2013. Tài liệu tham khảo: 3- Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009.
		191033	- <i>Nội dung học phần</i>: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá (đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má...); tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.	Tài liệu bắt buộc: 1- PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TĐTT, 2007. 2- Ủy ban TĐTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người</i>. 3- TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i>, NXB ĐHSP, 2004. Tài liệu tham khảo: 1- TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tình và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i>, NXB TĐTT, 2000. 2- Đĩa (VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức), 2004.
		191034	- <i>Nội dung học phần</i>: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.	Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB TĐTT, 2002. 2- Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT</i>, 2003. Tài liệu tham khảo: 1- Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ</i>, 2015.
		191035	- <i>Nội dung học phần</i>: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong	Tài liệu bắt buộc: 1- Lê Quốc Ân, Võ sự

			Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.	Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 1</i>, NXB TDTT, 2008. 2- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 2</i>, NXB TDTT, 2011. Tài liệu tham khảo: 1- Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>, 2014. 2- Võ sư Trương Quang An, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo (song ngữ)</i>, NXB KIEV, 1998.
18	147005	Mỹ thuật cơ bản, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Kiến thức lý luận chung về bản chất nghệ thuật tạo hình, hiểu khái quát lịch sử mỹ thuật, kiến thức cơ bản về màu sắc, trang trí, luật xa gần, giải phẫu, vẽ theo mẫu, bố cục và tranh minh họa - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần, có khả năng sáng tạo trong việc vẽ hình tạo bố cục một nội dung phục vụ giáo dục trẻ mầm non, biết pha và phối màu sắc một cách hài hòa trong việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và trang trí trường lớp mầm non.	Tài liệu bắt buộc 1. Ngô Bá Công: <i>Giáo trình Mỹ thuật cơ bản</i>. Nxb Đại học Sư phạm - 2012. 2. Tạ Phương Thảo. <i>Giáo trình trang trí</i>. Nxb Đại học Sư phạm - 2008. 3. Đàm Luyện . <i>Giáo trình bố cục</i>. Nxb Đại học Sư phạm -2008. Tài liệu tham khảo 1. Phạm Thị Chinh: <i>Lịch sử Mỹ thuật Việt nam</i>. Nxb đại học sư phạm – 2007 2. Trần Tiểu Lâm và Đặng Xuân Cường. <i>Luật xa gần và Giải phẫu tạo hình</i>. Nxb Giáo dục 1998

19	147050	Âm nhạc (KT cơ bản), 3 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Những kiến thức cơ bản về lý thuyết nhạc lý cơ bản; thực hành ký, xướng âm ở điệu thức đô trưởng, pha trưởng, son trưởng và điệu thức la thứ. Lý luận về múa cơ bản; múa và vận động theo nhạc trong trường Mầm non. Thực hành các động tác múa tay, chân cơ bản, Chất liệu múa dân gian, các tổ hợp múa dân gian tiêu biểu Việt Nam. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng cơ bản thực hành xướng âm, xướng âm ghép lời các bài hát của trẻ mầm non các giọng Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng, La thứ. Có kỹ năng thực hành cơ bản về múa, thực hành và nắm được các điệu múa của các tổ hợp múa dân gian tiêu biểu Việt Nam vận dụng trong thực hành biên soạn múa và vận động theo nhạc cho trẻ mầm non.	Tài liệu bắt buộc 1. Ngô Thị Nam, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc (tập I)</i>, Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên, 1994 2. Phạm Lê Hòa - Ngô Thị Nam, <i>Giáo dục âm nhạc</i>, NXB ĐHSP, 2004. 3. BGD & đào tạo, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc</i>, Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên, 1993 Tài liệu tham khảo 1. Phạm Tú Hương, <i>Lý Thuyết Âm nhạc cơ bản</i>, NXB giáo dục, 1997. 2. Trịnh Hoài Thu, <i>PPDH ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông</i>, NXB âm nhạc, 2011. 3. Trần Minh Trí - <i>Múa</i>, NXB ĐHSP, 2005
20	181007	Tâm lý học mầm non, 3 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học : Những vấn đề chung của Tâm lý học mầm non; Đặc điểm tâm lý trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (đặc điểm tâm lý trẻ năm đầu, đặc điểm tâm lý trẻ tuổi ấu nhi); Đặc điểm tâm lý trẻ em lứa tuổi mẫu giáo - <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học vận dụng được các phương pháp khác nhau để nghiên cứu sự phát triển tâm lý trẻ mầm non; Đưa ra được các biện pháp phát triển phù hợp với từng	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Kim Thoa (2014), <i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i>, NXB Đại học Sư phạm 2. Nguyễn Ánh Tuyết (1992), <i>Bài tập thực hành tâm lý học và giáo dục học</i>, NXB Giáo dục Tài liệu tham khảo

			điều kiện và quy luật phát triển tâm lý trẻ; Đề xuất được các cách thức để phát triển toàn diện tâm lý, nhân cách cho trẻ thông qua việc xác định được hoạt động chủ đạo, đặc điểm phát triển nhận thức, nhân cách...tương ứng với từng giai đoạn tuổi. Đồng thời chuẩn bị được về mặt tâm lý cho trẻ để trẻ thích nghi với môi trường Tiểu học.	1. Ngô Công Hoàn, Nguyễn Mai Hà (1993), <i>Tâm lý học</i>, BGD&ĐT, TTNC&TBDGV, NXB Hà Nội 2 Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)(1998), <i>Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông</i>, NXB GD.
21	182021	Giáo dục học mầm non, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản về: Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non và các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức các hoạt động của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập); Tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non; Chuẩn bị cho trẻ mầm non vào lớp một. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sau khi học xong học phần SV có khả năng ;Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức các hoạt động của trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập); Tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non.	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Thị Hòa (2017), <i>Giáo dục học mầm non</i>. NXB ĐHSP Hà Nội. 2. Nguyễn Thị Hòa (2016), <i>Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</i>, NXB ĐHSP Hà Nội. Tài liệu tham khảo: 1. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2004), <i>Giáo dục học mầm non</i>, NXB ĐHQG Hà Nội. 2. Hoàng Thị Phương (Chủ biên) - Lã Thị Bắc Lý - Bùi Thị Lâm - Nguyễn Mạnh Tuấn - Nguyễn Thị Mỹ Dung - Vũ Thanh Vân (2018), <i>Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non</i>, NXB ĐHSP Hà Nội. 3. Đinh Văn Vang (2008), <i>Giáo trình Giáo dục học mầm non</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.

			bệnh và các tai nạn mà trẻ hay mắc phải, các biện pháp phòng các bệnh dịch trong cộng đồng, nhất là các bệnh thường gặp ở trẻ mầm non, phòng các tai nạn cho trẻ ở trường mầm non. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức về bệnh, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, biết vận dụng xử trí ban đầu các tình huống về các bệnh lý, các tai nạn trẻ hay mắc phải. Biết thiết kế và tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục trẻ tự phòng tránh bệnh tật, các tai nạn có thể xảy ra đối với trẻ ở trường MN	2. Lê Thanh Vân – <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i>. NXB Đại học sư phạm, 2002.
25	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	147056	Âm nhạc (KT nâng cao), 3 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Bộ máy phát âm, kỹ thuật ca hát: tư thế, nhả chữ phát âm, lấy hơi...; các bài tập thực hành luyện thanh ứng dụng phát triển giọng hát, phương pháp và kỹ năng thực hành ca hát ở các hình thức, thực hành học hát các bài hát cô hát cho trẻ nghe trong chương trình giáo dục âm nhạc Mầm non. Thực hành các kỹ năng múa, phương pháp múa, các bước biên dạy múa cho trẻ Mầm non, thực hành biên đạo dàn dựng múa các bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non. Nâng cao kỹ năng thực hành ca hát và biên soạn múa cho trẻ Mầm non. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành biểu diễn ca hát, múa và biên dạy múa các bài múa cho trẻ Mầm non đạt yêu cầu, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, khả năng, nhận thức cảm thụ của trẻ Mầm non. Có phương pháp dạy và hướng dẫn trẻ Mầm non biết thưởng thức, cảm thụ	<i>Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Ngô Thị Nam - Trần Minh Trí - Trần Nguyên Hoàn, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc (tập II)</i>, Trung tâm nghiên cứu giáo viên, 1995. 2. Ngô Thị nam, <i>Giáo trình hát (tập II)</i>, NXB ĐHSP, 2007 3. Trần Minh Trí, <i>Múa và PP dạy trẻ vận động theo nhạc</i>, NXB giáo dục, 1998. <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Vũ Tự Lân - Lê Thế Hào, <i>Phương pháp hát và chỉ huy hát tập thể</i>, NXB giáo dục, 2000. 2. Trần Minh Trí - <i>Múa</i>, NXB ĐHSP, 2005. 3. BGD & đào tạo, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc</i>, Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên,

			và đánh giá các tác phẩm về nội dung, giá trị thẩm mỹ âm nhạc và nghệ thuật múa; khơi gợi tình yêu nghệ thuật, say mê với các hoạt động ca hát và múa. Hình thành hứng thú học tập làm tăng khả năng sáng tạo, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ trong giáo dục trẻ Mầm non.	1993.
b	147062	Đàn organ – chỉ huy dàn dựng, 3 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu về đàn oócgan, một số chức năng cơ bản như : Chọn Tiết tấu, âm sắc; nhịp độ (<i>tốc độ</i>) phù hợp, các bài tập kĩ thuật giọng C Dur, F Dur, G Dur và Amoll; chuyển các hợp âm tay trái đúng ngón, chính xác; tay phải giai điệu đúng thể tay, bấm đúng ngón, ngồi đúng tư thế... Kỹ thuật cơ bản về chỉ huy dàn dựng hát đồng ca: Vai trò và tư thế, kỹ thuật của người chỉ huy; xử lý tay trái, tay phải, kiểu bè, bắt đầu, kết thúc tác phẩm; thể hiện được các sắc thái của đường nét chỉ huy ở các loại nhịp 2,3,4 và 6 phách đúng đường nét. Một số bài thực hành chỉ huy cụ thể. Có kiến thức, hiểu biết chung về phương pháp hát, kỹ thuật ca hát phổ thông và tập thể hiện hát các bài hát trong chương trình cô hát cho trẻ nghe. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng thực hành các bài tập kỹ thuật luyện ngón, bài tập chuyển hợp âm của các giọng: C Dur, F Dur, G Dur, Amoll và thực hành soạn đệm các bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc Mầm non. Biết thiết kế dàn dựng một tiết mục hát đồng ca kết hợp với chỉ huy các bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non. Hát chuẩn xác, cảm thụ và biết biểu	Tài liệu bắt buộc 1. Xuân Tú, <i>Hướng dẫn dạy và học đàn organ</i>, trường CDSP Nhạc Họa Trung ương, 2001 2. Nguyễn Minh Toàn - Phan Hồng Hà, <i>Phương pháp học đàn organ</i>, NXB giáo dục, 1999 3. Vũ Tự Lân - Lê Thế Hào, <i>Phương pháp hát và chỉ huy hát tập thể</i>, NXB giáo dục, 2000. Tài liệu tham khảo 1. Ngô Ngọc Thắng, <i>Organ lý thuyết và thực hành (Tập I)</i>, NXB âm nhạc, 1999. 2. Cù Minh Nhật, <i>Organ thực hành 134 bài hát Mầm giáo</i>, NXB âm nhạc Hà Nội, 2007. 3. Ngô Thị nam, <i>Giáo trình hát (tập II)</i>, NXB ĐHSP, 2007

			diễn sinh động các bài hát trong chương trình cô hát cho trẻ nghe.	
26	143014	Lí luận và PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Kiến thức lý luận chung về các phương pháp, các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình, cách vận dụng các kiến thức cơ bản vào thực tiễn trong trường mầm non. Nghiên cứu về đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ để có được cách nhìn về thị hiếu thẩm mỹ một cách đúng đắn. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên biết cách thức xây dựng mạng chủ đề, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cụ thể của từng chủ đề trong năm, xây dựng môi trường giáo dục hợp lý. Thành thạo việc soạn giáo án và thực hiện tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non đáp ứng các yêu cầu mới của giáo dục hiện đại theo hướng tiếp cận khoa học, phát huy tính tích cực, sáng tạo hướng vào trẻ em.	Tài liệu bắt buộc [1] Lê Thanh Thuý. <i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i>. Nxb Đại học sư phạm 2002, 2007, 2008, 2013, 2015. Tài liệu tham khảo [1] Trần Thị Trọng - Phạm Thị Sửu. <i>Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non</i>. Nxb Bộ Giáo dục 1994. [2] Ưng Thị Châu – Nguyễn lăng Bình – Lê Đức Hiền. <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i>. Giáo trình đào tạo giáo viên THSP mầm non. Nxb giáo dục. 2003.
27	147091	PP tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ MN, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Một số vấn đề về phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ Mầm non như: Vai trò giáo dục âm nhạc, cách tiếp cận tổng hợp trong giáo dục âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc; phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc gồm: nghe nhạc, ca hát, múa - vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc; các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc, trong đời sống hàng ngày và	Tài liệu bắt buộc 1. Ngô Thị Nam - Trần Minh Trí - Trần Nguyên Hoàn, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc (tập II)</i>, Trung tâm nghiên cứu giáo viên, 1995. 2. Trần Minh Trí, <i>Múa và PP dạy trẻ vận động theo nhạc</i>, NXB giáo dục, 1998. 3. Nguyễn Hoàng Thông, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc ở Nhà trẻ - Mẫu giáo</i>, NXB giáo dục, 1996.

			trong các ngày lễ hội và thực hành dàn dựng các chương trình hoạt động âm nhạc lễ hội; thực hành soạn giáo án, dự giờ và tổ chức tập dạy các hoạt động âm nhạc. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có phương pháp dạy, xây dựng kế hoạch tổ chức dạy tốt các hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non; tổ chức triển khai và thực hành dàn dựng các hoạt động âm nhạc lễ hội trong nhà trường Mầm non; có năng lực biên soạn múa và vận động theo âm nhạc cho trẻ Mầm non; trò chơi âm nhạc....	Tài liệu tham khảo 1. Ngô Thị Nam, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc (tập I, II)</i>, BGD & đào tạo - Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên, 1994. 2. BGD & đào tạo - Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên, <i>Âm nhạc và PPGD âm nhạc (tập II)</i>, tài liệu lưu hành nội bộ, 1993. 3. Hoàng Long - Đặng Văn Bông - Trần Dũng - Nguyễn Thị Ngọc Hoa - Bùi Anh Tôn, <i>Âm nhạc Và PPDH âm nhạc</i>, NXB giáo dục, 2007.
28	145035	Lý luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non là một khoa học ; Khái quát về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ trẻ em tuổi mầm non; Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mầm non ; Luyện phát âm cho trẻ; Phát triển vốn từ cho trẻ; Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc; Chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông - <i>Năng lực sinh viên đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Năng lực dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0 – 6 tuổi; Năng lực lập kế hoạch giúp trẻ luyện phát âm đúng, phát triển từ, nói đúng ngữ pháp và diễn đạt mạch lạc; Năng lực lập kế hoạch dạy trẻ 5-6 tuổi làm quen với chữ cái; Năng lực cập nhật những đổi mới về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Xuân Khoa, <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo</i> (2003). Nhà xuất bản Đại học Sư phạm 2. Đinh Hồng Thái (2015). <i>Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</i>. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Tài liệu tham khảo 1. Hoàng Thị Oanh - Phạm Thị Việt - Nguyễn Kim Đức (2001), <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2. Bùi Kim Tuyền- Hồ Lam Hồng- Đặng

				Thu Quỳnh (1996). <i>Phương pháp phát triển lời nói cho trẻ</i> , Nhà xuất bản Giáo dục
29		Văn học và Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học Số tín chỉ: 04	- <i>Nội dung học phần</i>: Các giai đoạn phát triển của nền Văn học trẻ em Việt Nam; Hệ thống những giá trị cơ bản các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam và thế giới. Vai trò của văn học đối với giáo dục trẻ MN; Các phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; Hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và tập dạy - <i>Năng lực sinh viên đạt được sau khi kết thúc học phần</i>: Năng lực đọc hiểu, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học; Năng lực lựa chọn tác phẩm phù hợp với tuổi mầm non theo các chủ đề trong năm học; Năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động <i>Làm quen với tác phẩm văn học</i> ở các độ tuổi mầm non	Tài liệu bắt buộc: 1. Lã Thị Bắc Lý, <i>Giáo trình văn học trẻ em</i> (2013), NXB Đại học SP, Hà Nội. 2. Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (Tái bản 2014). <i>Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học</i>. NXB Giáo dục. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Phạm Thị Việt (tái bản 2002), <i>Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i>, NXB ĐHQG Hà Nội 2. Đặng Thu Quỳnh (2002). <i>Tuyển chọn truyện, thơ, câu đố mẫu giáo</i>. NXB Giáo dục.
30	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	144006	Lý luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Những lý luận chung nhất của môn học: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung và các nguyên tắc hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh theo từng độ tuổi trẻ và phương pháp tổ chức hướng trẻ khám phá môi trường xung quanh. - <i>Năng lực đạt được</i>: Người học biết vận dụng các phương pháp để	Tài liệu bắt buộc [1]. Hoàng Thị Phương, <i>lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, năm 2015. [2]. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, <i>phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi</i>

			tổ chức linh hoạt, sáng tạo các hoạt động cho trẻ MN khám phá MTXQ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ trong giai đoạn hiện nay; có khả năng khai thác, sử dụng các phương tiện, điều kiện sẵn có ở địa phương vào việc hướng dẫn trẻ khám phá MTXQ.	<i>trường xung quanh</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội. Năm 2006 Tài liệu tham khảo [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Chương trình giáo dục Mầm non</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội. Năm 2009 [4]. Lê Thị Ninh, Trần Hồng Việt, Võ Thị Cúc, <i>phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, năm 2002.
b		Tổ chức HĐ cho trẻ khám phá MTXQ, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ MN khám phá MTXQ, trong đó chú ý tới các hoạt động trải nghiệm hiện nay ở trường mầm non. - <i>Năng lực đạt được</i>: Người học nắm vững qui trình tổ chức hoạt động cho trẻ MN khám phá MTXQ. Biết vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ ở trường mầm non hiện nay. Có kỹ năng tổ chức hoạt động cho trẻ MN khám phá MTXQ một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.	Tài liệu bắt buộc [1]. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, Giáo trình <i>Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh</i>. NXB ĐHSP HN, 2006 [2]. Hoàng Thị Phương, <i>Giáo trình lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</i>. NXB Đại học Sư phạm, 2015 Tài liệu tham khảo [3]. Viện chiến lược và chương trình giáo dục, <i>Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo hướng tích cực chủ đề</i>. NXBGD Việt Nam, 2005 [4]. Bộ Giáo dục & Đào tạo, <i>Chương trình giáo dục mầm non</i>, NXB giáo dục, HN, 2009
31	144005	Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho	- <i>Nội dung học phần</i>: Trang bị cho người học một hệ thống các khái	Tài liệu bắt buộc 1. Đỗ Thị Minh Liên,

		trẻ, 2 TC	niệm, kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em. Cụ thể: Vai trò, nhiệm vụ và đặc điểm hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng; các nguyên tắc, các phương pháp và các hình thức tổ chức cùng với phương pháp hình thành các biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ em. - <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể chủ động chỉ đạo hoặc triển khai hiệu quả chương trình hình thành các biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.	<i>Lý luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.</i> NXB Đại học sư phạm 2012. 2. Đinh Thị Nhung, <i>Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo.</i> NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2009. Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Duy Thuận, Trịnh Minh Loan, <i>Toán và phương pháp cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về toán.</i> NXB Giáo dục 2009. 2. Trần Thị Ngọc Châm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, <i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non 0 – 6 tuổi.</i> NXB Giáo dục Việt nam 2018.
32	147015	Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ MN, 3 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề chung về giáo dục thể chất cho trẻ MN; đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của GDTC cho trẻ MN; Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ, phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Học phần đề cập tới nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi cho trẻ ở trường mầm non. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi nhằm giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	Tài liệu bắt buộc 1. Đặng Hồng Phương, <i>Giáo trình phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</i> NXB Đại học HN- 2008 Tài liệu tham khảo 2. Hoàng Thị Bưởi, <i>Phương pháp giáo dục thể chất trẻ em</i> NXB Đại học Quốc gia Hà Nội - 2001

33	144007	Ứng dụng CNTT trong GDMN, 2 TC	Nội dung học phần: Các quan điểm sư phạm về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; Vai trò của CNTT trong GDMN; yêu cầu đối với GVMN trong việc ứng dụng CNTT; các kỹ thuật ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non. Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thiết kế tư liệu giáo dục và thiết kế các hoạt động giáo dục ở trường mầm non; kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả Internet phục vụ các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	Tài liệu bắt buộc 1. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Tài liệu tập huấn Ứng dụng CNTT trong dạy học tích cực. Dự án Việt – Bỉ 2009</i> 2. Đỗ Mạnh Cường, <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</i>, NXB ĐHQG HCM 2008 Tài liệu tham khảo 1. Đỗ Duy Việt, <i>Hướng dẫn sử dụng Microsoft Powerpoint</i>, NXB thống kê 2010 2. Các Video hướng dẫn thiết kế giáo án điện tử trên Internet
34	147054	Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi, 3 TC	- <i>Nội dung học phần</i>: Gồm các vấn đề chung về đồ chơi, quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; ý nghĩa giáo dục của đồ chơi, các nguyên tắc, kỹ thuật phóng tranh, làm đồ chơi học tập, làm đồ chơi sân khấu âm nhạc, bồi giấy, làm đồ chơi mô tả hình tượng, làm đồ chơi trang trí, làm đồ chơi xây dựng, cách bảo quản đồ làm đồ chơi trong trường mầm non; các kỹ năng làm đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau. - <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên làm được đồ dùng dạy học, đồ chơi, biết vận dụng sáng tạo các nguyên vật liệu khác nhau để làm đồ chơi. Biết cách phối hợp hiệu quả giữa đồ chơi với trò chơi. Biết sắp xếp bảo quản đồ chơi cũng như đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ khi chơi.	Tài liệu bắt buộc [1] Đặng Hồng Nhật. <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em làm đồ chơi. (Quyển 2)</i>. Nxb Đại học Quốc gia. 2001. [2] Lê Đình Bình. <i>Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em (Quyển 1)</i>. Nxb Đại học Quốc gia. 2001. Tài liệu tham khảo [1] Đàm Hồng Quỳnh – Nguyễn Nghiệp. <i>Tự làm đồ chơi gấp hình</i>. Nxb Giáo dục 2003 [2] Phạm Mai Chi – Phùng thị Bình. <i>Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ em</i>. Nxb Giáo dục 2002
35	145059	Kiến tập sư phạm, 2 TC		
36	145056	Thực tập sư phạm, 5		

		TC		
37	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	144061	Nghề giáo viên MN, 2 TC	Nội dung học phần: Kiến thức chung về nghề giáo viên mầm non; kiến thức giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN; phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của BGD&ĐT; Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN (với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp...); năng lực thực hiện một số kỹ năng nghề (tổ chức hoạt động giáo dục mầm non theo từng độ tuổi như: hoạt động học có chủ đích, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động...)	Tài liệu bắt buộc 1. Hồ Lam Hồng, <i>Nghề giáo viên mầm non</i>, NXB Giáo dục 2009 2. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Chuẩn nghề nghiệp của GVMN</i> (Ban hành kèm theo thông tư 26 ngày 8/10/2018) Tài liệu tham khảo 1. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Chương trình giáo dục mầm non</i> (Ban hành kèm theo VBHN số 01 ngày 24/1/2017) 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Điều lệ trường mầm non, (Ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT 13 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
b		Đánh giá trong GDMN, 2 TC	Nội dung học phần: Kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non: đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá công tác tổ chức và quản lý trường mầm non. Năng lực đạt được: Có kỹ năng sử dụng các phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ hàng ngày hoặc theo giai đoạn; Năng lực đánh giá chất lượng trường mầm non	Tài liệu bắt buộc 1. Đinh Thị Kim Thoa, <i>Đánh giá trong giáo dục mầm non</i>, NXB Giáo dục 2009 2. Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Chương trình giáo dục mầm non</i> (Ban hành kèm theo VBHN số 01 ngày 24/1/2017) Tài liệu tham khảo 1 Bộ giáo dục và đào tạo, <i>Qui định về kiểm định chất lượng giáo dục và qui định đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non</i>

				(Ban hành kèm theo TT 19/2018)
38	Chọn 1 trong 2 học phần			
a		Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN, 2 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Những về sức khỏe, vệ sinh, dinh dưỡng; phương pháp tổ chức thực hành vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ; Quy trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ. Quy trình tổ chức chế độ vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ theo các lứa tuổi. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng trong đánh giá sức khỏe của trẻ, kỹ năng tổ chức thực hiện vệ sinh cho trẻ trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, kỹ năng tổ chức chế độ dinh dưỡng phù hợp cho từng độ tuổi, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hành giáo dục vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ.	Tài liệu bắt buộc 1. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân, <i>Giáo trình vệ sinh dinh dưỡng</i>, 2008. 2. Phạm Mai Chi – Vũ Yến Khanh – Nguyễn Thị Hồng Thu, <i>Các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ mầm non</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013. Tài liệu tham khảo 3. Hoàng Thị Phương, <i>Giáo trình vệ sinh trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2015.
b	145010	Dinh dưỡng trẻ em, 2 TC	- <i>Nội dung học phần:</i> Những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ lứa tuổi mầm non; cách chăm sóc, nuôi dưỡng, tổ chức ăn uống hợp lý cho trẻ phù hợp với các giai đoạn phát triển lứa tuổi của trẻ; cách tổ chức ăn uống cho trẻ khi bị bệnh; cách chế biến một số món ăn cho trẻ lứa tuổi mầm non. - <i>Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được:</i> Một số kỹ năng chế biến món ăn cho trẻ; kỹ năng tổ chức bữa ăn hợp lý cho trẻ phù hợp với các giai đoạn lứa tuổi; kỹ năng bảo vệ, nâng cao sức khỏe và phòng tránh một số bệnh thường gặp ở trẻ em.	Tài liệu bắt buộc 1. Lê Thị Mai Hoa – <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo</i> - NXB ĐHSP. 2. Nguyễn Kim Thanh - <i>Giáo trình dinh dưỡng trẻ em</i> - NXB ĐHQG Hà Nội 2003. Tài liệu tham khảo 3. Hướng dẫn cách chế biến món ăn cho trẻ dưới 6 tuổi - NXB ĐHQG Hà Nội - 1999.

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
196055, Triết học Mác – Lênin, 3 TC	Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 2 TC	196065, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2 TC	198030, Lịch sử Đảng CSVN, 2 TC

245091, Văn học dân gian, 2 TC	133032, Tiếng Anh 2, 3 TC	197030, Pháp luật đại cương, 2 TC	197035, Tur tưởng HCM, 2 TC
145100, Đại cương về văn học VN, 2 TC	191055, Giáo dục thể chất 2, 2 TC	182015, Giáo dục học đại cương, 2 TC	198000, Quản lý HCNN & QLGD, 2 TC
145098, Tiếng việt, 2 TC	147005, Mỹ thuật cơ bản, 3 TC	147050, Âm nhạc (KT cơ bản), 3 TC	147056, Âm nhạc (KT nâng cao), 3 TC
133031, Tiếng Anh 1, 4 TC	Tâm lý học MN, 3 TC	182021, Giáo dục học MN, 3 TC	147062, Đàn organ – chỉ huy dàn dựng, 3 TC
173080, Tin học, 2 TC	146048, Sinh lý – Vệ sinh trẻ em, 3 TC	245061, Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ MN, 2 TC	PP tổ chức HĐ âm nhạc cho trẻ MN, 3 TC
181145, Tâm lý học đại cương, 2 TC		146022, Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN, 2 TC	145035, Lý luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN, 3 TC
144001, Toán cơ sở, 2 TC		Văn học và PP cho trẻ LQ TPVH, 4 TC	147054, Kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi, 3 TC
191004, Giáo dục thể chất 1, 2 TC			
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
143014, Lý luận và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ MN, 3 TC	145056, Thực tập sư phạm, 5 TC		
144006, Lý luận và PP HD trẻ khám phá MTXQ, 3 TC	145057, Khóa luận tốt nghiệp, 4 TC		
Tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ, 3 TC	144061, Nghề GVMN, 2 TC		

144005, Lý luận và PP hình thành biểu tượng toán học SD cho TE, 2 TC	Đánh giá trong GDMN, 2 TC		
147015, Lý luận và PP giáo dục thể chất cho trẻ MN, 3 TC	Tổ chức thực hành vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN, 2 TC		
144007, Ứng dụng CNTT trong GDMN, 2 TC	145010, Dinh dưỡng trẻ em, 2 TC		
145059, Kiến tập sư phạm, 2 TC			

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
Triết học MLN	3	3	3	2	0	1	0	0	2	1	1	1	0	3	2	2
Kinh tế chính trị MLN	3	3	3	1	0	1	0	0	2	1	2	2	0	3	3	3
Chủ nghĩa xã hội KH	3	3	3	0	0	0	0	0	2	1	1	1	0	2	2	2
Lịch sử Đảng CSVN	3	3	3	0	0	0	0	0	2	1	1	1	0	2	2	2
Tư tưởng HCM	3	3	2	0	0	0	0	0	0	1	2	2	0	2	3	3
Pháp luật ĐC	3	3	3	1	0	1	0	0	2	2	2	2	0	3	2	2
Văn học dân gian	0	0	3	2	0	0	2	2	0	0	2	2	1	2	2	1
Đại cương về VHVN	0	0	3	2	0	0	2	2	0	0	2	2	1	2	2	1
Tiếng việt	0	0	3	1	0	0	2	1	0	1	2	2	1	2	2	1
Tiếng Anh 1	2	0	2	0	0	0	2	3	3	1	1	1	2	1	3	1
Tiếng Anh 2	2	0	2	0	0	0	2	3	3	1	1	1	2	1	3	1

Tin học	2	0	2	2	2	2	3	2	2	2	1	2	3	2	2	3
Tâm lý học đại cương	1	3	2	3	2	2	3	3	2	3	3	3	3	3	2	2
Giáo dục học ĐC	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3
Quản lý HCNN & QLGD	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3
Toán cơ sở	0	0	2	2	0	3	2	2	1	0	2	1	0	0	2	2
Giáo dục thể chất 1	1	1	2	2	0	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	1
Giáo dục thể chất 2	1	1	2	2	0	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	1
Mỹ thuật cơ bản	1	1	2	2	0	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	1
Âm nhạc (KTCB)	2	3	2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	2	3	3
Tâm lý học mầm non	1	3	2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	2	3	3
Giáo dục học MN	2	3	2	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	3
Sinh lý - Vệ sinh trẻ em	1	1	1	3	3	3	0	2	0	1	2	1	3	2	2	2
Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ MN	1	1	1	2	2	3	2	2	1	2	1	2	2	2	3	2
Phòng bệnh và ĐBAT cho trẻ MN	0	0	1	3	3	3	0	2	0	2	2	1	3	2	2	3
Âm nhạc (KTNC)	2	3	2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	2	3	3
Đàn organ – chỉ huy dàn dựng	2	3	2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	2	3	3
LL&PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ MN	3	3	3	3	1	3	2	2	3	3	3	2	3	3	3	2
PP tổ chức HĐ âm nhạc cho trẻ MN	2	3	2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	2	3	3
LL&PP	0	0	3	3	1	3	2	1	2	2	2	2	2	2	2	3

PT ngôn ngữ cho trẻ MN																
Văn học & PP cho trẻ LQ TPVH	0	0	3	3	1	3	2	1	2	2	2	2	2	2	2	3
LL&PP HD trẻ khám phá MTXQ	0	0	2	2	2	3	2	1	2	2	3	1	0	2	2	3
Tổ chức HĐ cho trẻ khám phá MTXQ	0	0	2	2	2	3	2	1	2	2	3	1	0	2	2	3
LL&PP hình thành BT toán học SD cho TE	0	0	2	3	0	3	1	0	3	2	2	2	0	2	1	3
LL&PP giáo dục thể chất cho trẻ MN	0	1	0	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ứng dụng CNTT trong GDMN	1	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2
Kỹ năng làm đồ dùng DH và đồ chơi	2	2	3	3	1	2	2	2	2	3	2	2	3	3	2	2
Nghề giáo viên MN	1	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2
Đánh giá trong GDMN	1	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2
Tổ chức thực hành VS DD cho trẻ MN	0	1	1	1	2	3	0	0	1	1	2	2	2	1	2	3
Dinh dưỡng trẻ em	0	1	1	3	2	3	3	2	2	3	2	3	2	3	2	3

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 12 năm 2019

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT



Cxu

Cao Xuân Hải

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai